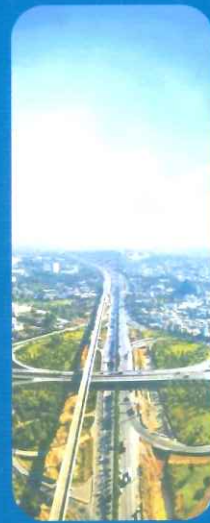


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



Đồng Nai, tháng 6 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO THUYẾT MINH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

CƠ QUAN TỔ CHỨC
LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

CƠ QUAN
LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH ĐỒNG NAI



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thành

Đồng Nai, tháng 6 năm 2025

PHẦN I. MỞ ĐẦU

I. CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ TÍNH CẤP THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

1. Cơ sở thực tiễn

Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch mạng lưới đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 37 đường tỉnh, hiện nay có nhiều tuyến đường đã hoàn thành như ĐT. 768, ĐT. 763, ĐT. 765..., và nhiều tuyến đường đang được triển khai đầu tư như đường 25B, 25C, ĐT. 773, ĐT. 769, ĐT. 770B để kết nối cảng hàng không quốc tế Long Thành...

Ngày 15/3/2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã có buổi làm việc về dự án đầu tư xây dựng cầu Mã Đà kết nối với tỉnh Bình Phước. Trên cơ sở thống nhất về chủ trương đầu tư dự án đường kết nối giữa 02 tỉnh qua cầu Mã Đà (*UBND tỉnh Bình Phước đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT 753 kết nối đến cầu Mã Đà; UBND tỉnh Đồng Nai đầu tư xây dựng cầu Mã Đà và các tuyến ĐT 761, ĐT 767 kết nối cầu Mã Đà đến đường Vành đai 4 - thành phố Hồ Chí Minh*), UBND tỉnh Đồng Nai đã có Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 22/4/2025 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương đầu tư dự án. Ngày 29/4/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã họp và thông qua Nghị quyết số 26/NQ-HĐND trong đó: “*Thống nhất chủ trương giao UBND tỉnh Đồng Nai làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Mã Đà nằm trên 02 địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh (tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước).*”

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, Sở Tài chính nhận được Tờ trình số 37/TTr-BQLDACTGT ngày 08 tháng 5 năm 2025 và hồ sơ kèm theo của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh về việc trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cầu Mã Đà, theo đó thông tin chủ yếu của dự án, gồm:

1.1 Tên dự án: Đầu tư xây dựng cầu Mã Đà.

1.2. Mục tiêu và quy mô đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư cầu Mã Đà nhằm kết nối giao thông thuận lợi giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển của người dân. Hình thành trục giao thông liên vùng kết nối các tỉnh Tây Nguyên đến với sân bay Long Thành và cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải, đẩy mạnh phát triển hạ tầng logistics liên tỉnh, các khu công nghiệp...thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương.

b) Quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông. Cấp công trình: Cấp III, vận tốc thiết kế 80 km/h.

- Đầu tư xây dựng cầu Mã Đà (bao gồm đường dẫn đầu cầu) có điểm đầu giao với đường ĐT.753, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (tại Km0+000); điểm cuối giao với đường kết nối từ cầu Mã Đà đến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (khoảng tại Km0+600).

- Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 có tim dự án trùng với tim giai đoạn hoàn thiện, như sau:

+ Đầu tư cầu Mã Đà với quy mô mặt cắt ngang rộng 20,5m, với 04 làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 1,5m, làn xe thô sơ 02 bên rộng $2 \times 2,0 = 4,0\text{m}$, lan can 02 bên cầu rộng $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

+ Đầu tư đường dẫn đầu cầu với bề rộng nền đường $B_n=30\text{m}$ (kể cả phần taluy), với mặt đường gồm: 04 làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$, dải phân cách giữa rộng 1,5m, làn xe thô sơ 02 bên rộng $2 \times 2,0 = 4,0\text{m}$, lan can 02 bên cầu rộng $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

+ Đầu tư các công trình phụ trợ khác có liên quan.

- Phạm vi bồi thường giải phóng mặt bằng rộng khoảng 30m (từ tim tuyến ra mỗi bên 15m). Diện tích chiếm dụng khoảng 1,32ha; trong đó, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước khoảng 0,59ha (Đất rừng sản xuất khoảng 0,46ha, diện tích mặt nước khoảng 0,02ha, đất giao thông 0,11ha); xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai khoảng 0,73 ha (Đất rừng đặc dụng là rừng trồng khoảng 0,63ha, diện tích mặt nước khoảng 0,02ha, đất giao thông 0,08ha).

1.3. Dự án nhóm C.

1.4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh (dự án xây dựng).

1.5. Địa điểm thực hiện dự án: huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án giai đoạn phân kỳ: khoảng 192,666 tỷ đồng; trong đó, chi phí xây dựng khoảng 135,156 tỷ đồng; chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khoảng 3,789 tỷ đồng; chi phí thiết bị khoảng 1,000 tỷ đồng; chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và các chi phí khác có liên quan khoảng 20,423 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 32,298 tỷ đồng.

Dự kiến bố trí vốn:

Thời gian	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
Quý III/2025	10,212	Chi phí tư vấn, chi phí chuẩn bị đầu tư
Quý IV/2025	14,000	Các chi phí tư vấn, 100% chi phí Giải phóng mặt bằng.
Năm 2026	108,925	80% chi phí xây lắp
Năm 2027	59,529	20% chi phí xây lắp, chi phí dự phòng

Thời gian	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
Tổng cộng	192,666	

1.7. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

- Giai đoạn phân kỳ: năm 2025 – 2027.
- Giai đoạn hoàn thiện: sau khi đánh giá hiệu quả đầu tư giai đoạn phân kỳ sẽ nghiên cứu đầu tư giai đoạn hoàn thiện.

1.8. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư công.

1.9. Tách dự án thành 2 dự án độc lập (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2024) gồm:

Stt	Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Chủ đầu tư
1	Dự án xây dựng cầu Mã Đà	188,877	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đầu tư xây dựng cầu Mã Đà	3,789	Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh

2. Tính cấp thiết điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 14/4/2025, Nghị quyết số 60-NQ/TW Hội nghị lần thứ 11, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã quyết định phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó hợp nhất tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, lấy tên là tỉnh Đồng Nai, trung tâm chính trị- hành chính đặt tại tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Hiện nay, kết nối tỉnh Bình Phước với thành phố Hồ Chí Minh đều thông qua tỉnh Bình Dương, chưa có kết nối trực tiếp giữa tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai, khu vực thành phố Hồ Chí Minh nên việc xây dựng đầu tư dự án đường kết nối giữa 02 tỉnh giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai qua cầu Mã Đà là cấp thiết, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là kết nối hạ tầng giữa Vùng Tây Nguyên với Vùng Đông Nam Bộ đến Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Cảng Cái Mép – Thị Vải tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; tạo động lực thúc đẩy liên kết vùng và đồng thời phục vụ nhu cầu đi lại của công chức, viên chức và người dân tỉnh Bình Phước đến làm việc tại tỉnh Đồng Nai sau khi hợp nhất thành tỉnh Đồng Nai mới.

Tuy nhiên, qua rà soát vị trí cầu Mã Đà kết nối tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước; tuyến ĐT 761; tuyến đường kết nối từ Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai đến giao với đường Vành đai 4 chưa có trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024. Đồng thời, để thực hiện

dự án Cầu Mã Đà và tuyến ĐT 761 cần phải điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất có liên quan, cụ thể: điều chỉnh quy hoạch đất rừng đặc dụng với diện tích khoảng 85,5ha.

Với tính cấp thiết của dự án nêu trên, tỉnh Đồng Nai đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự, thủ tục rút gọn để có cơ sở triển khai thực hiện dự án đường kết nối giữa 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước qua cầu Mã Đà theo Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 13/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về nghiên cứu đề xuất, kiến nghị của tỉnh Bình Phước cho tỉnh đầu tư mở rộng tuyến ĐT 753 kết nối tuyến ĐT 761 của tỉnh Đồng Nai qua cầu Mã Đà.

II. CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

- Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 13/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm về nghiên cứu đề xuất, kiến nghị của tỉnh Bình Phước cho tỉnh đầu tư mở rộng tuyến ĐT 753 kết nối tuyến ĐT 761 của tỉnh Đồng Nai qua cầu Mã Đà;

- Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2022 về các thể chế hoàn thiện liên kết vùng;

- Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ văn bản số 702/TTg-QHĐP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

III. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch

- Đảm bảo phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Nhà nước mới ban hành thời gian vừa qua về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp...

- Đảm bảo phù hợp với các chỉ đạo của Chính phủ tạo ra không gian mới, động lực mới đáp ứng yêu cầu phát triển mới chuẩn bị cho tăng trưởng hai con số vào giai đoạn tiếp theo...

- Xác định các nội dung quy hoạch cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu tổng quát của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch.

- Quá trình tổ chức điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, của vùng, của tỉnh và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, tính bảo tồn; bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Các nguyên tắc khác cần tuân thủ bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ mới.

2. Yêu cầu đối với điều chỉnh quy hoạch

- Việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tổ chức rà soát, đánh giá đột xuất tình hình thực hiện quy hoạch tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 6a Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

- Đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định của các phương án quy hoạch.

- Phương án điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện hình thành các động lực phát triển mới; huy động thêm nguồn lực mới cho phát triển. Bảo đảm nguồn lực thực hiện các nội dung quy hoạch điều chỉnh không gây ảnh hưởng đến các nguồn lực đã dự kiến bố trí để thực hiện các nội dung khác của quy hoạch.

3. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch

- Điều chỉnh Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai (định hướng sử dụng đất) đến năm 2030 đảm bảo nhu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 243 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 24 của Luật Quy hoạch năm 2017 về nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Việc cập nhật, điều chỉnh bổ sung các phương án, đảm bảo không làm thay đổi quan điểm mục tiêu tổng quát của Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024; đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Về tình hình thực hiện phương án phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

a) Về phát triển công nghiệp

Sản xuất công nghiệp phát triển và tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là động lực cho tăng trưởng kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng các ngành khai thác tài nguyên và tăng tỷ trọng của các ngành chế biến, chế tạo. Công nghiệp chế biến, chế tạo đã trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của ngành công nghiệp và nền kinh tế, chiếm trên 47% trong cơ cấu công nghiệp. Tỷ trọng của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao trong cơ cấu nội ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có sự chuyển biến tích cực. Việc triển khai thực hiện chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa 1 và định hướng quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

theo hướng sinh thái, xanh được tập trung chỉ đạo để đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm sự phát triển bền vững.

b) Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục phát triển, mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức, nâng cao về chất lượng, dần định hình và trở thành động lực phát triển đột phá của tỉnh. Hoạt động thương mại truyền thống, thương mại điện tử và các nền tảng thanh toán trực tuyến được ứng dụng rộng rãi và phát triển mạnh mẽ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 tăng gấp 1,6 lần giai đoạn 2015-2020. Hoạt động ngoại thương đạt mức tăng trưởng khá, duy trì xuất siêu, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 5 năm 2021-2025 đạt 205 tỷ USD, tăng 2,4% so với giai đoạn 2015-2020, trong đó tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt trên 6,3%/năm. Hạ tầng thương mại, dịch vụ logistics tiếp tục được đẩy mạnh đầu tư xây dựng, từng bước hình thành các Trung tâm Thương mại lớn, Trung tâm logistics hiện đại quy mô cấp vùng. Lĩnh vực du lịch và giải trí phát triển, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng. Tăng trưởng ngành dịch vụ trong GRDP đạt khoảng 24,78%.

- Mạng lưới hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục được mở rộng và phát triển. Hoạt động huy động vốn và cấp tín dụng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tạo thuận lợi cung cấp nguồn vốn tín dụng cho nền kinh tế, trọng tâm là tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hệ sinh thái khởi nghiệp. Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt.

c) Về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Sản xuất nông nghiệp duy trì được sự phát triển ổn định. Tăng trưởng GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 3,55%/năm, cao hơn 0,43%/năm so với giai đoạn 2015-2020. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đã hình thành nhiều vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Công nghiệp chế biến nông sản tiếp tục phát triển, tập trung vào các mặt hàng thế mạnh. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp không ngừng phát triển; giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 tăng gấp 1,3 lần so với năm 2020.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng được tăng cường. Chú trọng thực hiện nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Trên địa bàn tỉnh không xảy ra các vụ vi phạm lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên rừng. Đồng Nai hiện là tỉnh giữ được tỷ lệ rừng tự nhiên và rừng trồng cao nhất vùng Đông Nam Bộ với tổng diện tích rừng đạt 177.940 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 28,3%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được chỉ đạo quyết liệt, đạt kết quả vượt bậc. Đồng Nai là tỉnh đứng đầu cả nước về số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đứng thứ 2 về số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đã ban hành chính sách hỗ trợ linh hoạt, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng

và quản trị các công trình hạ tầng sau đầu tư, huy động có hiệu quả nguồn lực đầu tư cho nông thôn.

đ) Về công tác điều hành ngân sách và đầu tư công được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đạt kết quả tốt.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững, trong đó đẩy mạnh khai thác các nguồn thu nội địa, triệt để tiết kiệm chi. Giai đoạn 2020-2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 312.186 tỷ đồng, đạt 112% dự toán, chiếm 14% GRDP; tổng chi ngân sách địa phương đạt khoảng 152.967 tỷ đồng. Chủ động cân đối ngân sách, phân bổ hợp lý, đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công được cải thiện, phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn lực đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, tạo động lực tăng trưởng kinh tế. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra được tăng cường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư công.

c) Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển. Kinh tế tập thể được quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Kinh tế trang trại phát triển nhanh theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là hai thành phần quan trọng của nền kinh tế. Đến nay, toàn tỉnh có trên 59.600 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 576 nghìn tỷ đồng; 1.128 dự án trong nước với tổng số vốn trên 477,6 nghìn tỷ đồng; hơn 1.736 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 36 tỷ USD. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được quan tâm thực hiện, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được người dân và doanh nghiệp tích cực hưởng ứng.

2. Về phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số

a) Về phát triển văn hóa: Nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa được nâng lên trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Việc gắn kết chặt chẽ giữa khai thác các giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch của địa phương được chú trọng. Nhiệm vụ xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện được tăng cường thực hiện và đạt được kết quả nhất định. Nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu phố, ấp văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiếp tục được triển khai, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Về phát triển giáo dục và đào tạo: Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng

cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ. Đội ngũ giáo viên được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động phối hợp với các doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tạo điều kiện cho học viên đến thực tập và tiếp nhận vào làm việc sau khi tốt nghiệp.

c) Về phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt kết quả khá. Đã triển khai thực hiện nhiều chính sách để thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế. Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh, xử lý, không chế có hiệu quả nhiều dịch bệnh nguy hiểm. Đến năm 2025, có 10 bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo cân nặng giảm $\leq 6\%$, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo chiều cao $\leq 16\%$; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh so với năm 2020 và thấp hơn mức trung bình cả nước.

Thực hiện tốt chính sách về dân số. Cơ cấu dân số chuyển biến tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng, tuổi thọ trung bình đạt 76,5 tuổi.

c) Về phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số

- Hoạt động khoa học công nghệ có chuyển biến tích cực và đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong các ngành, lĩnh vực. Tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo với sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ đổi mới công nghệ, xúc tiến thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ. Đã phát triển 04 doanh nghiệp khoa học công nghệ và thành lập thêm 10 tổ chức khoa học công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo bước đầu được hình thành và đi vào hoạt động.

- Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ. Tỉnh đã ban hành nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số, gắn kết chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư; đã hình thành một số cơ sở dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; triển khai một số dự án quan trọng thúc đẩy vận hành chính quyền số trên các lĩnh vực đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội, y tế, giáo dục. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng, đầu tư khá đồng bộ, hiện đại. Công nghệ số được áp dụng phổ biến trong các ngành, lĩnh vực; các hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Về công tác đảm bảo an sinh xã hội , quốc phòng – an ninh

a) Về công tác đảm bảo an sinh xã hội

An sinh xã hội được bảo đảm. Hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,1%, toàn tỉnh không có nhà dột nát. Triển khai thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; nâng tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt trên 2,8 triệu người, trong đó tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,5%. Việc đầu tư, nâng cấp các công trình, dự án nước sạch được tập trung thực hiện. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị đạt trên 90%, ở nông thôn là trên 85%.

b) Về quốc phòng – an ninh

An ninh ổn định, trật tự an toàn xã hội giữ vững phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Chủ động, kịp thời nắm chắc tình hình, phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa số đối tượng cực đoan, chống đối, không để hình thành tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn. Chủ động nhận diện và xử lý kịp thời, hiệu quả các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc, công nhân trên địa bàn không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ, quyết liệt, đã triệt xóa nhiều băng, nhóm tội phạm, không để hình thành tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh được kiểm chế, kéo giảm qua từng năm. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, thực hiện Đề án 06 của Chính phủ ngày càng hiệu quả, từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn.

4. Tình hình thực hiện phát triển đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Công tác quản lý quy hoạch xây dựng

Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng xem xét nội dung tiếp thu, giải trình và hoàn thiện 03 đề án Quy hoạch chung đô thị Biên Hòa, Trảng Bom và Nhơn Trạch và xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng về quy mô dân số, phạm vi lập quy hoạch quy hoạch chung đô thị Long Thành.

Quy hoạch phân khu đô thị: UBND thành phố Long Khánh đã trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các phân khu đô thị đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, dự kiến phê duyệt trước ngày 30/6/2025. Đối với các đề án quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt của thành phố Biên Hòa và huyện Nhơn Trạch hiện đang tiếp tục tổ chức thực hiện quy hoạch cho đến khi có quy hoạch mới được thay thế làm cơ sở triển khai các hoạt động quản lý, đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật. Các phân khu đô thị khác chưa triển khai tổ chức lập quy hoạch, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá, trường hợp sau khi đánh giá xác định không thể hoàn thành đúng trình duyệt trước ngày 01/7/2025, tạm dừng thực hiện và thanh lý hợp đồng theo quy định pháp luật, không để lãng phí ngân sách nhà nước.

Công tác lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000, quy hoạch chi tiết 1/500 các dự án trọng điểm; quy hoạch các khu chức năng và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được tập trung thực hiện: UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Phước An, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Long Đức, phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết đô thị Khu đô thị Hiệp Hòa, phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết đô thị Khu trung tâm thương mại dịch vụ và dân cư theo quy hoạch tại huyện Long Thành, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng khu vực trên đỉnh Chứa Chan...

Tỉnh đã công bố và trao giải thưởng 02 cuộc thi, thi “Ý tưởng quy hoạch chung đô thị Sân bay Long Thành và vùng phụ cận” và cuộc thi “Ý tưởng quy hoạch chuyên đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Giao Sở Xây dựng triển khai lập Quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị - hành chính và các khu đất đấu giá; đang tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc khu Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Đồng Nai, để có thể sớm khởi công xây dựng Khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh trong tháng 9/2025.

b) Công tác quản lý phát triển đô thị

Công tác quản lý phát triển đô thị chuyển biến tích cực. Không gian đô thị được mở rộng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đô thị hóa và phát triển đô thị trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với công tác chỉnh trang đô thị, UBND tỉnh chỉ đạo đánh giá lại không gian kiến trúc - cảnh quan và tổ chức giao thông tại một số khu vực điểm nhấn của đô thị trên địa bàn tỉnh tiêu biểu như: khu vực Quảng trường Sông Phố và công viên Nguyễn Văn Trị và đề xuất phương án thiết kế kiến trúc kè sông Đồng Nai.

5. Về phát triển các khu chức năng

a) Về phát triển các khu công nghiệp

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 37 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất 13.095,89 ha. Về tổng thể, kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đến nay đã cơ bản hoàn thiện, do vậy vốn đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp không nhiều so với các năm trước đây; tập trung vào công tác tiếp tục bồi thường giải tỏa, hoàn thiện đầu tư hạ tầng đường giao thông, thoát nước mưa, nước thải; hoàn thiện, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung; xây dựng nhà xưởng xây sẵn cho thuê.

- Giai đoạn 2021-2024, tổng vốn đầu tư là 1.824,27 tỷ đồng và 45,425 triệu USD. Lũy kế vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh là 16.425 tỷ đồng và 177,418 triệu USD (không bao gồm vốn nhà xưởng xây sẵn cho thuê của các khu công nghiệp). Dự kiến tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 khoảng 2.324,27 tỷ đồng và 59,045 triệu USD.

- Lũy kế đến nay có 02 dự án nhà ở công nhân do các Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện và 10 dự án nhà ở công nhân do các doanh nghiệp trong khu

công nghiệp đầu tư xây dựng; có 05 trường mẫu giáo và 01 phòng khám đa khoa được đầu tư xây dựng phục vụ chủ yếu cho khu công nghiệp.

b) Về phát triển hạ tầng Cụm công nghiệp

Theo Phương án phát triển cụm công nghiệp (viết tắt là CCN) trên địa bàn tỉnh thì hiện có 31 CCN được quy hoạch, trong đó 20 CCN quy hoạch giai đoạn 2013 - 2020 được tiếp tục quy hoạch giai đoạn 2021-2030 và 11 CCN được bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2030.

- Có 20 CCN đã được quy hoạch giai đoạn 2013-2020, tiếp tục quy hoạch giai đoạn 2021-2030, trong đó có 16/20 CCN đã có quyết định thành lập và có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, với tổng diện tích các CCN đã thành lập là 933,75ha, đạt 80%; có 20/20 CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, với tổng diện tích các CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết là 1.164,89ha, đạt 100%.

- Về việc đầu tư hạ tầng và triển khai thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng: Có 02 CCN chưa được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung CCN nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động cho các dự án thứ cấp trong CCN gần như đã lấp đầy diện tích CCN, nên không thể thực hiện BT, GPMB để thu hút nhà đầu tư để đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật CCN, cụ thể: CCN Dốc 47 – thành phố Biên Hòa (chưa được thành lập CCN); CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu (đã được thành lập CCN theo Quyết định thành lập số 399/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh); Có 04 CCN cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật chung CCN, gồm: CCN Gốm sứ Tân Hạnh - thành phố Biên Hòa; CCN Hồ Nai 3 - huyện Trảng Bom; CCN Phú Cường - huyện Định Quán, CCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch; Có 03 CCN đã được cơ quan có thẩm quyền cho giao đất, cho thuê đất để triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung CCN: CCN VLXD Tân An - huyện Vĩnh Cửu; CCN Xuân Hưng - huyện Xuân Lộc, CCN Tam An - huyện Long Thành. Tuy nhiên, vẫn còn một phần nhỏ diện tích chưa hoàn thành BT, GPMB để giao cho Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án; Có 01 CCN đã hoàn thành công tác BT, GPMB đang triển khai phương án đấu giá quyền sử dụng đất (CCN Long Giao – huyện Cẩm Mỹ); Ngoài 10 CCN nêu trên, các CCN còn lại đang triển khai thủ tục BT, GPMB và mời gọi nhà đầu tư, chưa đạt mục tiêu đề ra tại Quyết định số 554/QĐ-UBND.

- Các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập, được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật: Trong 16 CCN đã được thành lập, đến nay chỉ có 04 CCN cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật chung CCN, gồm: CCN Gốm sứ Tân Hạnh - thành phố Biên Hòa; CCN Hồ Nai 3 - huyện Trảng Bom; CCN Phú Cường - huyện Định Quán, CCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch; Có 03 CCN đã được cơ quan có thẩm quyền cho giao đất, cho thuê đất để triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung CCN: CCN VLXD Tân An - huyện Vĩnh Cửu; CCN Xuân Hưng - huyện Xuân Lộc, CCN Tam An - huyện Long.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng

Nhằm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai ban

hành kế hoạch 109-KII/TU ngày 31/12/2021 huy động các nguồn lực tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng đô thị, nông thôn và giao thông kết nối vùng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giai đoạn 2021-2025 khoảng 222.783 tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh khoảng 60.643 tỷ đồng; huy động từ các nguồn khác khoảng 162.140 tỷ đồng. Đến nay, hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai được củng cố, nâng cấp, phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kết quả, đến nay thực hiện là 116.489 tỷ đồng (đã bao gồm 13.361 tỷ đồng thực hiện ngoài kế hoạch), đạt 52,29% kế hoạch (lãng 23,03% so với lũy kế đến hết năm 2024), tình hình thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng của một số ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Về hạ tầng giao thông:

Giai đoạn 2021- đến nay, Tỉnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án (đường Hương lộ 10 từ ranh giới huyện Long Thành đến huyện Cẩm Mỹ; đường Suối Chồn - Bàu Cối; đường xung quanh hồ Cầu Dầu; đường ĐT.765 huyện Xuân Lộc; đường ĐT.768 huyện Vĩnh Cửu...); đang triển khai thi công một số công trình trọng điểm của tỉnh và dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron; đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu; đường Hương lộ 2 - Đoạn 1...); triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa; đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron; Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu - suối Xiệp ...) và tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tiên đẩy nhanh tiến độ hồ sơ các dự án quan trọng mang tính kết nối (nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769; đường ĐT.770B từ ĐT.763 đến Quốc lộ 51; tuyến đường ĐT. 772 Trảng Bom - Xuân Lộc; nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 ...).

Tỉnh Đồng Nai đang phối hợp triển khai 08 dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó: Các dự án đã cơ bản hoàn thành: 03 dự án (Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Cao tốc Bến Lức - Long Thành; Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết); Các dự án đang triển khai: 05 dự án (Dự án thành phần 2 cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; Cao tốc Dầu Giây - Tân Phú; Cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc; Mở rộng cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam).

Về công tác phối hợp triển khai các dự án giao thông kết nối các địa phương: Dự án giao thông kết nối thành phố Hồ Chí Minh (cầu Phú Mỹ 2); Dự án giao thông kết nối tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cầu Phước An); Dự án giao thông kết nối tỉnh Bình Dương (cầu Bạch Đằng đã hoàn thành; cầu Iliều Liêm 2; cầu Thạnh Hội 2; cầu Tân An).

b) Về hạ tầng đô thị:

- Về phát triển đô thị: Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 11 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại I trực thuộc tỉnh (thành phố Biên Hòa), 01 đô thị loại III (thành phố Long Khánh), 02 đô thị loại IV (thị trấn Long Thành - huyện Long Thành và thị trấn Trảng Bom - huyện Trảng Bom) và 07 đô thị loại V gồm: thị trấn Gia Ray (huyện Xuân Lộc), thị trấn Định Quán (huyện Định Quán), thị trấn Tân Phú (huyện Tân Phú), thị trấn Vĩnh An (huyện Vĩnh Cửu), thị trấn Hiệp Phước (huyện Nhơn Trạch), thị trấn Dầu Giây (huyện Thống Nhất) và đô thị Long Giao (huyện Cẩm Mỹ). Đến nay, tỷ lệ đô thị hoá trên 45%.

- Về phát triển hệ thống cấp nước:

+ Cấp nước nông thôn: Trong giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện đầu tư xây dựng 26 dự án công trình cấp nước sạch khu vực nông thôn (trong đó: 15 công trình đã xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, 11 công trình đang lập thủ tục hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án) và đầu tư xây dựng khoảng 1.048 km tuyến đường ống dẫn nối, mở rộng phạm vi cấp nước từ các công trình cấp nước tập trung. Đến hết năm 2024, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 84,69%, tương ứng với 386.612 hộ/456.481 (trong đó: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung (nước máy) là 51,05%; tỷ lệ hộ dân sử dụng từ công trình cấp nước nhỏ lẻ và thiết bị lọc nước hộ gia đình là 33,64%). Luỹ kế đến nay, toàn tỉnh hiện có 91 công trình cấp nước tập trung nông thôn, trong đó 11 công trình sử dụng nguồn nước mặt, 80 công trình sử dụng nguồn nước ngầm với các mô hình quản lý.

+ Về cấp nước khu vực đô thị: Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 09 đơn vị đang cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất cho các khu đô thị, khu ven đô và khu công nghiệp (Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai; Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch; Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh; Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai; Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân; Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới; Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa; Công ty TNHH Việt Thăng Long; Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO). Các hệ thống cấp nước sạch đô thị hiện hữu trên địa bàn tỉnh đảm bảo lưu lượng và áp lực nước, cơ bản đáp ứng nhu cầu dùng nước. Tỷ lệ dân số khu vực đô thị sử dụng nước sạch đến nay đạt trên 94% (trong đó nước máy đạt trên 88%);

- Về hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải:

Giai đoạn này, Tỉnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều dự án bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh, trong đó có dự án trọng điểm Xây dựng tuyến thoát nước cho khu vực ngã 5 Biên Hùng; dự án tuyến thoát nước trên đường Nguyễn Ái Quốc, đoạn từ trường Mần non Bé Ngoan đến cầu Sắn Máu; dự án tuyến thoát nước trên đường Quốc lộ 1A đoạn khu vực bệnh viện Thánh Tâm, phường Hồ Nai; thành phố Biên Hòa và đang triển khai thi công dự án: Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa và suối Cầu Quan; Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành (đã thi công hoàn thành).

Các địa phương đã nỗ lực thực hiện các dự án chống ngập, đến nay đã xử lý được 9 điểm ngập so với đầu năm 2024 gồm: (1) Điểm ngập trên đường Đồng Khởi, thành phố Biên Hòa (đoạn từ Cầu Đồng Khởi Km3+375 đến Ngã 3 Thiết Giáp Km4+750); (2) Điểm ngập trên đường Quốc lộ 51 đoạn trước chợ Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa đến cầu Đen; (3) Điểm ngập khu vực gần ngã 3 đường Đồng Khởi đoạn đầu vào đường Bùi Trọng Nghĩa khu phố 2A, phường Trảng Dài; (4) Điểm ngập trên tuyến đường Quốc lộ 1 thuộc địa bàn thị trấn Trảng Bom, các xã Quảng Tiến, Bình Minh; (5) Điểm ngập tại nội ô thị trấn Trảng Bom (Ngã tư đường Trường Chinh giao với đường 3/2) và điểm ngập trong khu công nghiệp Sông Mây; (6) Điểm ngập trên Đường Chu Văn An vị trí tiếp giáp xã An Phước và thị trấn Long Thành tại nghĩa trang Văn Hải; Các điểm ngập ứng trên đường Cầu Mên; trên đường Võ Thị Sáu tại vị trí giao với đường Nguyễn Hữu Cánh; ngập ứng trên tuyến đường Chu Văn An; Các vị trí ngập ứng trên địa bàn xã Bình An và điểm ngập trên một số tuyến đường khác (Ngập ứng trên đường Tân Hiệp; ngập ứng trên đường Phước Bình; ngập ứng ấp 5 và ấp 1 xã Bàu Cạn; Đường ấp Tập Phước đoạn trước Nhà văn hóa ấp Tập Phước; Khu vực đường vào trường mẫu giáo Thành Nghĩa; (7) Điểm ngập trên các tuyến đường tại ấp 2, 2A, 3, 3A xã Xuân Hưng, huyện Thống Nhất; (8) Điểm ngập dọc đường Lý Thái Tổ (ĐT.769) tại khu vực Cổng Bà Lợi - vòng xoay Bến Cam, khu vực chùa Phước Hưng, khu vực Cổng Ông Xưa, huyện Nhơn Trạch; (9) Điểm ngập trên đường ĐT.761 (đoạn Km27+600-Km29+000), huyện Vĩnh Cửu.

Hiện nay còn 18 điểm ngập đang được tiếp tục xử lý thông qua các dự án về thoát nước đang triển khai, vừa qua Sở Xây dựng đã làm việc với các địa phương cấp huyện và các chủ đầu tư dự án chống ngập để tiếp tục rà soát các điểm ngập mới phát sinh, tình hình thực hiện khắc phục các điểm ngập cũ để có kế hoạch đẩy nhanh tiến độ khắc phục các điểm ngập.

Vừa qua, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, làm cơ sở triển khai Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên, công suất 2000 m³/ngày đêm và Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên, công suất 1.000 m³/ngày đêm; đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án Tuyển thu gom nước thải từ các hộ dân dẫn về Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất thiết kế 3.000 m³/ngày.đêm tại phường Hố Nai và đang tiếp tục làm việc với tổ chức JICA về Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa. Bên cạnh đó, Sở Xây dựng đã phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức xúc tiến đầu tư để kêu gọi đầu tư Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Khánh, công suất 11.000 m³/ngày (dự kiến hoàn thành năm 2030); Dự án thoát nước và xử lý nước thải huyện Nhơn Trạch giai đoạn 1, công suất 16.000 m³/ngày.đêm.

c) Hạ tầng thủy lợi và biến đổi khí hậu

Tổng nhu cầu nguồn vốn bố trí cho hạ tầng thủy lợi và biến đổi khí hậu là 5.846,738 tỷ đồng. Kết quả thực hiện nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng thủy lợi là 1.468,527 tỷ đồng, đạt 25,12% kế hoạch.

- Hạ tầng thủy lợi: Đến nay, kết quả triển khai thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn tỉnh như sau: 07 dự án đã triển khai thi công hoàn thành và đang lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư để đưa vào sử dụng (Nạo vét Rạch mới xã Bình Hoà; Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre; Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh; Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán; Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai; Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất; Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cãi). Có 11 dự án đang triển khai thi công và 03 dự án đang trong giai đoạn lập hồ sơ. Bên cạnh đó các ngành, địa phương phối hợp hoàn thiện phương án đầu tư thủy lợi trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về triển khai công tác biến đổi khí hậu:

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 7730/KII-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 về thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết số 385/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 phê duyệt Đề án “Giảm thiểu khí các-bon trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Hiện nay Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai thực hiện các công việc tiếp theo để lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện hợp phần 1.

Bên cạnh đó, Ngành Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó biến đổi khí hậu; Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo toàn đa dạng và an toàn sinh học; Truyền thông về hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa và tuyên truyền về phân loại chất thải rắn tại nguồn; tổ chức các cuộc thi phục vụ hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Về hạ tầng cung cấp điện

- Về các dự án nguồn điện:

+ Đang xây dựng Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với tổng công suất 1.624MW tại huyện Nhơn Trạch. Công tác thi công, xây lắp đạt 99,8%. Dự kiến Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đưa vào vận hành thương mại tháng 07/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 sẽ đưa vào vận hành thương mại tháng 10/2025.

+ Dự án Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng tại xã Hiếu Liên, huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư là Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện dự án tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/4/2023, Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28/3/2024. Công suất lắp máy: 2 tổ X 100 MW = 200 MW. Dự án khởi công quý I/2025 và kiến đưa vào vận hành tháng 12 năm 2027.

+ Dự án Thủy điện Phú Tân 2 công suất 93MW tại xã Thanh Sơn, xã Phú Tân và xã Phú Vinh huyện Định Quán đã được UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 08/4/2022. Dự án đã đưa vào vận hành năm 2023.

+ Dự án Thủy điện Phú Tân 1 công suất 28MW đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư số 4068/QĐ-UBND ngày 27/12/2024. Nhà đầu tư đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Về lưới điện truyền tải: Hiện nay, Tổng công ty truyền tải điện quốc gia đang triển khai xây dựng 09 công trình với Tổng mức đầu tư: 5.996.836.000 đồng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh và Quy hoạch điện VIII, cụ thể:

+ Đường dây 500kV NMĐ Nhơn Trạch 4 - rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè với Tổng mức đầu tư: 314.254.000.000 VNĐ (Ba trăm mười bốn tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu đồng).

+ Đường dây 220kV NMĐ Nhơn Trạch 3 - TBA 500kV Long Thành với Tổng mức đầu tư: 577.905.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy tỷ, chín trăm lẻ năm triệu đồng).

+ Trạm biến áp 220kV Khu công nghiệp Nhơn Trạch và đấu nối với tổng mức đầu tư xây dựng công trình: 378.134.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám tỷ, một trăm ba mươi tư triệu đồng).

+ Đường dây 220kV Sông Mỹ - Tam Phước với tổng mức đầu tư: 604.059.000.000 đồng. Khởi công ngày: 15/11/2019.

+ Trạm biến áp 220kV Tam Phước và đấu nối tổng mức đầu tư: 418.120.000.000 đồng. Khởi công ngày: tháng 12/2020.

+ Đường dây 220kV Bảo Lộc – Sông Mỹ với tổng mức đầu tư: 1.028 tỷ đồng

+ Trạm biến áp 500kV Đồng Nai 2 và đường dây đấu nối với tổng mức đầu tư: 1.316 tỷ đồng.

+ Trạm biến áp 500kV Long Thành và đấu nối đã đưa vào vận hành với tổng mức đầu tư: 1.211.086.000.000 đồng.

+ Đường dây 220kV NMĐ Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái với tổng mức đầu tư: 149.278.000.000 đồng (một trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

- Về lưới điện 110kV, 22kV và 0,4kV do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thực hiện từ 2021-2025 là 2.611,9/12.733 tỷ đồng, đạt 4,72% so với quy hoạch, cụ thể:

+ Đường dây 110kV: Đưa vào vận hành đường dây cải tạo, nâng cấp 27,76/58km đạt 47,86% so với quy hoạch; đường dây xây dựng mới 6,27/58,1km đạt 10,79% so với quy hoạch.

+ Trạm biến áp 110kV: Tăng công suất 298/1.963MVA đạt 15,18% so với quy hoạch; xây dựng mới 303/887MVA đạt 34,16% so với quy hoạch.

+ Đường dây 22kV: Đưa vào vận hành đường dây cải tạo, nâng cấp 586,99/410,6km đạt 142,96% so với quy hoạch; đường dây xây dựng mới 591,01/845km đạt 69,94% so với quy hoạch.

+ Trạm biến áp 22/0,4kV: Tăng công suất 35.265,74/752.618kVA đạt 4,69% so với quy hoạch; xây dựng mới 274.069,05/707.813kVA đạt 38,72% so với quy hoạch.

+ Đường dây 0,4kV: Đưa vào vận hành đường dây cải tạo, nâng cấp 761,59/442,5km đạt 172,11% so với quy hoạch; đường dây xây dựng mới 393,67/2.697,225km đạt 14,6% so với quy hoạch.

- Về dự án sử dụng vốn ODA do Tổng công ty Điện lực miền Nam giao Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam làm chủ đầu tư, gồm 06 dự án đang triển khai: Trạm 110kV KDT Long Hưng và đường dây đầu nối; Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối; Trạm 110kV Giang Diên và đường dây đầu nối; Cải tạo đường dây 110kV TĐ Trại AN - Kiềm Tân; Đường dây 110kV Vĩnh An - Định Quán 2 và Cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện trung hạ thế khu vực trung tâm thị xã tỉnh Đồng Nai.

d) Hạ tầng thông tin và truyền thông

- Dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức toàn trình trên nhiều phương tiện: đạt 100% .

- Chế độ báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh: đạt 100%.

- Các xã, phường, thị trấn được sử dụng hạ tầng mạng băng rộng cáp quang: đạt 100%.

- Ấp/khu phố được phủ sóng mạng di động 4G/5G: đạt 100%.

- Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023-2028: Hiện đang trong giai đoạn thiết kế chi tiết chuẩn bị kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự kiến trong năm 2025 sẽ hoàn tất việc thực hiện các gói thầu chính của dự án. Đối với gói sửa chữa trụ sở cho Trung tâm tích hợp dữ liệu (nguồn kinh phí sự nghiệp), với mức đầu tư hơn 2,7 tỷ đồng: Hiện đang được nhà thầu thi công sửa chữa, dự kiến trong tháng 7/2025 sẽ hoàn thành việc thi công sửa chữa.

- Đã trình Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định Đề án thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành (Khu Công nghệ số) tại Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 28/3/2025. Đồng thời thực hiện song song các thủ tục khác nhằm đảm bảo tiến độ khởi công dự án vào dịp Quốc khánh 02/9/2025 và chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XII.

- Hệ thống hợp trực tuyến của tỉnh đã hoàn thành thủ tục thuê dịch vụ và đưa vào vận hành trong tháng 3/2025. Hệ thống này giúp việc tổ chức các cuộc họp từ xa với cơ quan Trung ương, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Định hướng các doanh nghiệp viễn thông tập trung đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, đặc biệt là phát triển trạm BTS thế hệ mới 5G để phủ sóng băng thông rộng di động đến 100% thôn, ấp, khu phố trên toàn tỉnh.

- Định hướng triển khai thí điểm Hệ thống giao thông thông minh ITS trên nền tảng Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông toàn cầu (Gtel) và định hướng triển khai

thí điểm Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC) đặt tại Trung tâm dữ liệu GTel với yêu cầu đảm bảo cấp độ an toàn thông tin cấp độ 3 để kết nối với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia về Dân cư và các mô hình đang triển khai thử nghiệm với Công ty GTel.

đ) Hạ tầng thương mại

- Toàn tỉnh hiện có 06 Trung tâm thương mại, 12 siêu thị được xây dựng và hoạt động theo quy hoạch, trong đó có 03 Trung tâm thương mại, 01 siêu thị chưa được phân hạng và phê duyệt nội quy Trung tâm thương mại, siêu thị.

- Tổng số chợ đang hoạt động trong quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 137 chợ, trong đó: Phân theo địa bàn: 91 chợ nông thôn, 46 chợ thành thị; Phân theo hạng chợ: 01 chợ dầu mỗi, 7 chợ hạng 1, 28 chợ hạng 2, 101 chợ hạng 3; Phân theo tính chất công trình: 97 chợ Kiên cố, 31 chợ Bán kiên cố, 9 chợ tạm; Phân theo hình thức quản lý: 36 chợ do Doanh nghiệp quản lý, 19 chợ do Hợp tác xã quản lý, 03 chợ do Hộ kinh doanh quản lý, 61 chợ do Ban quản lý chợ quản lý; 18 chợ do Tổ quản lý chợ quản lý.

- Về hệ thống kho xăng dầu: toàn tỉnh hiện có 02 kho xăng dầu đang hoạt động gồm:

+ Kho xăng dầu Phước Khánh thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp: địa điểm: xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch; quy mô sức chứa là 115.400 m³, trong đó, kho nội địa 80.400 m³, kho ngoại quan 35.000 m³, tổng diện tích đất của kho 117.000 m².

+ Kho xăng dầu tuyến sau Long Bình Tân (kho trung chuyển) - Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp – Petimex (Quyết định chủ trương đầu tư số 3492/QĐ-UBND ngày 25/10/2016, số 1957/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai): địa điểm: phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa; kho đi vào hoạt động vào tháng 12/2022, tổng diện tích đất của kho: 11.454 m², tổng quy mô sức chứa kho: 1.950 m³ (bể đứng); công suất cầu cảng: có thể tiếp nhận tàu tải trọng lớn nhất: 1.000 DWT (đây là kho có công suất < 5.000 m³, không nằm trong quy hoạch quốc gia).

- Về hệ thống phân phối xăng dầu: trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 01 thương nhân dầu mỗi kinh doanh xăng dầu, 08 thương nhân phân phối xăng dầu được Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện; 01 doanh nghiệp được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý xăng dầu, 09 doanh nghiệp được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Đại lý xăng dầu, 403 cửa hàng bán lẻ xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đang hoạt động ổn định, 100% của hàng bán lẻ xăng dầu đã thực hiện việc xuất hóa đơn điện tử theo quy định.

- Về hệ thống cửa hàng tiện lợi: đến nay, toàn tỉnh hiện có 284 cửa hàng tiện lợi do doanh nghiệp thực hiện đang hoạt động, trong đó cửa hàng Winmart+: 85 cửa hàng; cửa hàng Co.op food: 05 cửa hàng (tại khu vực thành phố Biên Hòa); cửa hàng Bách Hóa Xanh: 139 cửa hàng; cửa hàng Pork shop, Fresh shop (chuỗi cửa hàng thịt heo sạch,...): 19 cửa hàng; cửa hàng tiện lợi GS 25 (tại TP Biên Hòa và huyện Long

Thành): 17 cửa hàng; Circle K: 5 cửa hàng (tại TP Biên Hòa); Family Mart: 04 cửa hàng (tại TP Biên Hòa); Maxidi: 10 cửa hàng (tại TP Biên Hòa).

Ngoài hệ thống các cửa hàng tiện lợi được các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh theo chuỗi hệ thống như Bách Hóa Xanh, Winmart +, Co.op food...; các cửa hàng chuyên doanh điện máy theo chuỗi như: Điện máy Chợ Lớn, Điện máy Xanh, Thế giới di động, chuỗi cửa hàng bán lẻ FPT, Viettel, Cellphones, iMobi; còn có nhiều cửa hàng nhỏ, lẻ do các hộ kinh doanh đăng ký và kinh doanh theo loại hình tổng hợp (cửa hàng bách hóa tổng hợp): 409 cửa hàng tạp hóa, bán hàng Việt; các cửa hàng chuyên doanh về sữa, đồ dùng cho mẹ và bé như: 42 cửa hàng Con Cưng, 7 cửa hàng BiboMart, 4 cửa hàng KidsPlaza, 3 cửa hàng AVAKids (thuộc Thế giới di động)...; một số cửa hàng chuyên doanh về kim khí điện máy một số địa phương như huyện Nhơn Trạch còn có cửa hàng bán lẻ chuyên phục vụ khách nước ngoài như: Cửa hàng HiMart, K1 (Hàn Quốc), Konia 39 (Nhật Bản).

e) Hạ tầng giáo dục và đào tạo,

- Tỉnh đã hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước (đầu tư bổ sung cơ sở vật chất cho Trường đại học Đồng Nai, Trường cao đẳng Công nghệ cao; xây mới Trường THPT Chu Văn An...); hoàn thành dự án xây mới trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh và đưa vào hoạt động trong năm 2025; tiếp tục triển khai thực hiện dự án xây dựng mới Trường THPT Phước Thiện – huyện Nhơn Trạch.

- Nguồn vốn đầu tư kêu gọi xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đến nay là 1.537,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã khuyến khích, kêu gọi thực hiện mô hình công ty, xí nghiệp xây dựng, đưa vào hoạt động trường mầm non để phục vụ con em công nhân của công ty, bước đầu thực hiện có hiệu quả với nhiều trường mầm non do Công ty, xí nghiệp thành lập để phục vụ con em công nhân như: Trường Mầm non Đông Phương, Mầm non Thái Quang, Mầm non DonaStandard; mầm non Những bông hoa nhỏ....

- Hiện nay, toàn tỉnh có: 370 trường mầm non (trong đó có 218 trường công lập, 152 trường tư thục) và 975 cơ sở GDMN độc lập, mạng lưới trường lớp mầm non bình quân trên một đơn vị hành chính cấp xã là 2,3 trường. 280 trường tiểu học (274 trường công lập, 6 trường ngoài công lập), mạng lưới trường tiểu học bình quân trên một đơn vị hành chính cấp xã là 1,76 trường. 186 trường THCS (182 trường công lập, 4 trường ngoài công lập), trong đó trường tiểu học và THCS có 17 trường (14 trường công lập), mạng lưới trường THCS bình quân trên một đơn vị hành chính cấp xã là 1,2 trường. 77 trường THPT (49 trường công lập, 28 trường ngoài công lập), mạng lưới trường THPT bình quân trên một đơn vị hành chính cấp huyện là 7 trường. 12 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, trong đó có 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên của tỉnh, 11 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố. 58 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 10 Trường Cao đẳng; 05 Trường Trung cấp; 20 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp; 23 cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. 05 Trường Đại học và 03 phân hiệu trường Đại học, gồm ĐH Đồng Nai, ĐH Công nghệ Đồng Nai, ĐH Lạc Hồng, ĐH Công nghệ Miền Đông, ĐH Nguyễn Huệ, phân hiệu Trường ĐH Lâm nghiệp, phân hiệu Trường ĐH Mở thành phố Hồ Chí Minh và phân hiệu Trường Đại

học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh (trong đó Trường ĐH Nguyễn Huệ đào tạo chuyên ngành về quân sự).

Nhìn chung, mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đảm bảo nhu cầu học tập cho người dân từ cấp học mầm non cho đến đại học.

g) Về phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Phát triển hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ: Đưa vào vận hành “Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị trực tuyến Đồng Nai (Donatex.vn)”, đến nay đã cập nhật được 1.550 công nghệ và thiết bị chào bán. Đến nay có 30 công nghệ, thiết bị được mua bán, chuyển giao, nhằm xây dựng, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về công nghệ.

- Xây dựng cổng thông tin KNDMST tỉnh: <http://startupdongnai.gov.vn>; Nền tảng dành cho thanh niên: <https://khoinghiep.tinhdoandongnai.com>.

- Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã xây dựng và đưa vào hoạt động 01 phòng trưng bày sản phẩm và giới thiệu các quy trình sản xuất sản phẩm với diện tích 200m². Khu dịch vụ khởi nghiệp tại Đại học Lạc Hồng đã hình thành trên cơ sở từ 03 khu làm việc chung (co-working space, Lab B304 và designing space) và đang được đưa vào hoạt động.

- Hình thành 4 câu lạc bộ khởi nghiệp tại các trường đại học và Hội phụ nữ; Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo & Khởi nghiệp Long Thành, Hội đồng Cố vấn KNDMST tỉnh. Thành lập 28 tổ chức KII&CN, bao gồm 09 tổ chức công lập và 19 tổ chức ngoài công lập hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, có 01 tổ chức sự nghiệp KH&CN công lập trực thuộc Sở KII&CN tự đảm bảo chi thường xuyên. Phát triển 03 doanh nghiệp khoa học công nghệ thông qua kết quả nghiên cứu khoa học, nâng tổng số doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn là 07 doanh nghiệp.

h) Hạ tầng văn hoá, thể thao - du lịch

- Về đầu tư trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng trên địa bàn, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Tính đến nay, có một số công trình trùng tu tôn tạo di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành, như: Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Quốc tổ Hùng Vương (thành phố Biên Hòa); Bảo quản sơn son thếp vàng hoành phi, liễn đối tại di tích đình Phú Mỹ, huyện Nhơn Trạch; Trùng tu, tôn tạo di tích đình Phước Thiện; Bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích Văn miếu Trấn Biên; Trùng tu, tôn tạo di tích đền Nguyễn Tri Phương; Đền thờ Trần Hưng Đạo (Long Thành)...đang thực hiện dự án mở rộng, trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.

- Về hạ tầng du lịch:

Giai đoạn 2021 - 2025, thu hút hơn 4.000 tỷ đồng vốn của doanh nghiệp để đầu tư nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, trong đó Công ty Cổ phần Du lịch Sinh Thái Sơn Tiên đã đưa vào khu du lịch Sơn Tiên (Thành phố Biên Hòa) với vốn đầu tư đến nay khoảng 3000 tỷ đồng với nhiều công trình dịch vụ du lịch chất lượng cao để phục vụ nhu cầu của khách du lịch, đồng thời Công ty Cổ phần ANI POWER đã đầu tư đưa vào hoạt động khu du lịch Thác Ba Giọt (huyện Định Quán), vốn đầu tư

khoảng 80 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã đầu tư 7 khách sạn mới chất lượng tương đương từ 02 đến 3 sao đưa vào hoạt động gồm: Mansion Park (thành phố Biên Hòa) Beon (thành phố Biên Hòa), Sunshine (thành phố Long Khánh), Amazing Island Resort thuộc khu du lịch Sơn Tiên, Rosa Queen (thành phố Biên Hòa), Thác Ba Giọt thuộc khu du lịch Thác Ba Giọt (huyện Định Quán) và Song Trang Boutique (huyện Long Thành) với tổng kinh phí khoảng 920 tỷ đồng.

Các dự án Thác Mai- Bàu nước sôi, Điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí tại Cù lao Ba Xê, Điểm du lịch sinh thái Green Heaven, Trại An Lake View, khu thương mại dịch vụ nghỉ dưỡng, điểm nghỉ dưỡng giải trí tại xã Phú Cường đang triển khai các bước để triển khai dự án. Riêng khu du lịch sinh thái và nuôi động vật hoang dã chưa triển khai.

Dự án khu phức hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực núi Chúa Chan và hồ Núi Lơ, huyện Xuân Lộc: Hiện nay, UBND huyện Xuân Lộc đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục để hoàn thiện các quy hoạch như quy hoạch di tích, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu chức năng trên đỉnh núi Chúa chan huyện Xuân Lộc...

i) Về Hạ tầng y tế

Từ năm 2021 đến nay, nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng Khu dịch vụ của Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Khu dịch vụ của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Khu Thẩm mỹ Bệnh viện Da Liễu; 10 trạm y tế xây mới (Trạm Y tế xã Phước An, huyện Nhơn Trạch; các Trạm Y tế phường An Bình, Bình Đa, Thống Nhất và xã An Hòa, thành phố Biên Hòa; Trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Tân Phú; Trạm Y tế xã Suối Tre, thành phố Long Khánh và các Trạm Y tế Lâm San, Sông Ray, Xuân Mỹ thuộc huyện Cẩm Mỹ) và hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp 18 trạm y tế (các trạm y tế: Thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, xã An Viễn, xã Bắc Sơn, xã Đồi 61 thuộc huyện Trảng Bom; Trạm Y tế các xã: Gia Canh, Phú Ngọc, Túc Trưng thuộc huyện Định Quán; trạm y tế các xã: Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Thọ, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Hòa thuộc huyện Xuân Lộc; Trạm Y tế các phường: Xuân Bình, Xuân Thành, Phú Bình, Xuân An thuộc thành phố Long Khánh), dự án cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Long Thành, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán, Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất, Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc, Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý, Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu – cơ sở 2. Ngoài ra, đã thu hút đầu tư đi vào hoạt động 01 bệnh viện chuyên khoa mắt tại thành phố Biên Hòa (quy mô: 20 giường bệnh nội trú).

Các dự án xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đang tiếp tục triển khai theo quy trình như: Xây mới Trung tâm Y tế Biên Hòa (đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), xây mới Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch (đang lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn Thiết kế bản vẽ thi công và dự kiến khởi công xây dựng vào tháng 10/2025); nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ (dự án sắp hoàn thành, dự kiến đầu quý II/2025) và sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Định Quán, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành, Trung tâm Y tế huyện Tân Phú, Bệnh viện Da liễu. Đang thực hiện xây dựng mới các trạm y tế theo Kế hoạch số 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh và xây dựng mới 54 trạm y tế và

cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 28 trạm y tế trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 1461/UBND-KTNS ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh.

Ngoài ra, Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng y tế và tăng cường thu hút các dự án đầu tư y tế ngoài công lập trên địa bàn tỉnh; thực hiện các gói mua sắm các gói trang thiết bị y tế theo quy định cho các cơ sở y tế công lập kịp thời đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh cho người dân”.

k) Hạ tầng xử lý chất thải rắn (CTR)

Phương án phát triển các khu xử lý (viết tắt là KXL) chất thải rắn tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Đồng Nai tại Phụ lục XVII kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó Đồng Nai có 7 khu xử lý chất thải rắn đã được đầu tư xây dựng và tiếp tục được đầu tư nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi công nghệ (gồm: KXL Quang Trung, huyện Thống Nhất 130ha; KXL Bầu Cạn, huyện Long Thành 104,33ha; KXL Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu 81ha; KXL Túc Trung, huyện Định Quán 10ha; KXL Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc 20ha; KXL Thiên Phước, huyện Cẩm Mỹ 20ha; KXL Tây Hòa, huyện Trảng Bom 20,3ha.). Ngoài ra còn có một số khu xử lý nước thải, bùn thải phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải khu công nghiệp tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 và xử lý bùn thải phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải tại các khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh được xử lý tại khu vực quy hoạch đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp hoặc được đưa về các khu xử lý chất thải tập trung để xử lý.

Trong số các khu xử lý chất thải rắn có 4 dự án điện rác được xác định ưu tiên đầu tư (gồm: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu - giai đoạn 1 & TBA 110kV đấu nối, công suất 20MW; Nhà máy điện rác W2E Đồng Nai - giai đoạn 1 & TBA 220kV đấu nối tại huyện Long Thành, công suất 20MW; Nhà máy điện rác Định Quán - giai đoạn 1, công suất 18,5MW; Nhà máy điện rác Quang Trung huyện Thống Nhất, công suất 7,5MW) và 3 dự án dự phòng khi các dự án ưu tiên chưa triển khai trong giai đoạn 2021-2030 (gồm: Nhà máy điện rác Doxaco huyện Vĩnh Cửu, công suất 16MW; Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu - giai đoạn 2, công suất 10MW; Nhà máy điện rác W2E Đồng Nai giai đoạn 2, huyện Long Thành, công suất 10MW).

- Về các trạm trung chuyển (TTC) chất thải rắn:

+ Đa số các địa phương đã xác định mạng lưới các trạm trung chuyển và cập nhật vị trí vào quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất, tiếp tục rà soát các trạm chưa phù hợp quy hoạch để cập nhật hoặc chuyển đến vị trí mới phù hợp theo quy hoạch, cần xây dựng lộ trình hoàn thành chuẩn hóa các điểm trung chuyển theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 địa phương (Trảng Bom và Xuân Lộc) chưa đầu tư xây dựng TTC theo Đề án 3263. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 02 địa phương được các đơn vị thu gom trên địa bàn huyện thu gom trực tiếp từ nhà dân đưa thẳng đến Khu xử lý CTR Quang Trung và Khu xử lý CTR Xuân Tâm để xử lý.

+ Huyện Thống Nhất không bố trí và không quy hoạch TTC, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thống Nhất được các đơn vị thu gom trên địa bàn huyện thu gom trực tiếp từ nhà dân đưa thẳng đến Khu xử lý CTR Quang Trung xử lý.

· Hiện trạng trên địa bàn tỉnh có 36 TTC (20 TTC cố định và 16 TTC không cố định).

7. Tình hình thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Công tác quản lý đất đai được tập trung chỉ đạo. Chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Ban hành Đề án giảm thiểu các bon trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bàn giao mặt bằng xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các công trình trọng điểm của trung ương, của tỉnh.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai), UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2576/QĐ-TTg ngày 29/8/2024 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh cho 11/11 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo UBND các hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện theo Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. Tình hình thực hiện phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học

a) Về công tác bảo vệ môi trường

Tỉnh Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh lân cận trong quản lý bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng quy định về phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề báo cáo trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý; rà soát, cập nhật đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Về khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học

Tỉnh tiếp tục chú trọng thực hiện nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ phát triển bền vững tài nguyên rừng, đa dạng sinh học. Thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết về chỉ tiêu tỷ lệ che phủ cây xanh, tỷ lệ che phủ của rừng. Thời gian qua, việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học đã được quan tâm chỉ đạo, tập trung thực hiện theo Luật Đa dạng sinh học, trong đó đã hoàn thành lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; các khu vực có tính đa dạng sinh học cao được ưu tiên thực hiện nhiều nhiệm vụ, dự án bảo tồn; kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại, cụ thể:

- Về các khu bảo tồn có giá trị đa dạng sinh học cao

+ **Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai:** KBT TN – VH Đồng Nai thuộc địa bàn của các xã Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm, thị trấn Vĩnh An thuộc ranh giới hành chính huyện Vĩnh Cửu và xã Đắc Lúa huyện Tân Phú, xã Thanh Bình huyện Trảng Bom, xã Gia Tân huyện Thống Nhất, xã Thanh Sơn, La Ngà, có diện tích tự nhiên 100.572 ha (bao gồm 68.052 ha đất lâm nghiệp; 32.520 ha mặt nước hồ Trị An). Mục đích là bảo vệ và phát triển các HST rừng ĐNB gồm rừng kín thường xanh cây lá rộng, rừng kín nửa rụng lá và rừng kín rụng lá. Bảo tồn tính đa dạng hệ động vật và hệ thực vật; nguồn dược liệu, đặc biệt là các nguồn gene động, thực vật quý hiếm, loài đặc hữu quý hiếm. Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học; phát triển du lịch sinh thái, cải thiện môi trường, phát triển lâm nghiệp. Khai thác tổng hợp hồ Trị An, góp phần bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học; phát triển bền vững vùng nước nội địa hồ Trị An.

Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai tồn tại 4 hệ sinh thái rừng chính gồm: rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, rừng kín nửa rụng lá ẩm nhiệt đới, rừng hỗn giao Gõ-Tre, Tre-Gõ, rừng Tre, Nứa thuần loài. Là nơi bảo tồn tính đa dạng hệ động vật và hệ thực vật; nguồn dược liệu, đặc biệt là các nguồn gene động, thực vật quý hiếm, loài đặc hữu quý hiếm, bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học; phát triển bền vững vùng nước nội địa hồ Trị An. Hệ thực vật khác phong phú gồm 1.558 loài thực vật, thuộc 665 chi, 166 họ, 95 bộ, 10 lớp bao gồm các ngành thực vật khác nhau trong đó có 147 loài thuộc nhóm nguy cấp, quý hiếm (40 loài thuộc IUCN 2020, 44 loài thuộc Sách đỏ Việt Nam 2007, 84 loài thuộc Nghị định 06/2019 của Chính phủ), 90 loài đặc hữu của Việt Nam và 20 loài đặc hữu của tỉnh Đồng Nai; 2.277 loài động vật gồm 88 loài thú, 292 loài chim, 78 loài bò sát, 37 loài ếch nhái, 161 loài cá, 1470 loài côn trùng, 28 loài ốc cạn, 94 loài động vật nổi và 29 loài động vật đáy; trong đó, có 154 loài nhóm nguy cấp, quý, hiếm (71 loài thuộc IUCN 2021, 72 loài thuộc sách đỏ Việt Nam 2007, 103 loài thuộc nghị định 84/2021 và 27 loài thuộc nghị định 64/2019), ghi nhận 8 loài đặc hữu của Việt Nam và 7 loài cá thuộc nghị định 26/2019/NĐ-CP.

+ **Vườn quốc gia Cát Tiên:** VQG Cát Tiên nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là KBT thuộc cấp Quốc gia, theo Quyết định số 45/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ VQG đã được quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2020. Diện tích gồm: vùng trung tâm 71.350 ha nằm trên địa bàn của 03 tỉnh (thuộc địa phận Đồng Nai 40.934 ha; Lâm Đồng 26.969 ha và Bình Phước 4.193 ha). Vùng đệm 251.445 ha. Mục tiêu Bảo tồn hiệu quả các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng hiện có trong vườn quốc gia, bảo vệ và phát triển các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có tên trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Sách đỏ Việt Nam 2007, Sách đỏ IUCN. Đảm bảo giá trị của đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái luôn được duy trì và nâng cao thông qua việc sử dụng bền vững, hạn chế các tác động tiêu cực tới đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vườn quốc gia Cát Tiên có 5 kiểu rừng chính: rừng lá rộng thường xanh; rừng lá rộng thường xanh nửa rụng lá; rừng hỗn giao gỗ, tre nứa; rừng tre nứa thuần loại và kiểu thảm thực vật đất ngập nước. Hiện nay, Vườn quốc gia Cát Tiên có hệ động thực vật đa dạng và phong phú gồm 1.655 loài thực vật và 1.729 loài động vật hoang dã với 97 loài thú, 343 loài chim, 94 loài bò sát, 37 loài lưỡng cư, 130 loài cá, 903 loài côn trùng và 96 loài động vật phiêu sinh.

+ **Rừng phòng hộ Tân Phú:** Rừng phòng hộ Tân Phú thành lập năm 1978, tổng diện tích được giao quản lý là 13.592,96 ha; trong đó đất có rừng là 13.193,77 ha; rừng tự nhiên là 11.698,56 ha, thuộc xã Gia Canh và Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, rừng phòng hộ Tân Phú tồn tại 4 kiểu rừng chính gồm: rừng kín nửa thường xanh mưa ẩm nhiệt đới; rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới; rừng hỗn giao tre nứa và trảng cỏ cây gỗ rải rác. Qua một số tài liệu bước đầu đã xác định được khoảng 200 loài cây gỗ thuộc 51 họ trong đó có ít nhất 10 loài thực vật được ghi tên trong Danh lục đỏ thế giới (IUCN, 2015) và Sách đỏ Việt Nam (2007) như: Gỗ đỏ, Vên vên, Cẩm lai, Thành ngạnh đẹp, ... Bên cạnh đó hệ thực vật ở rừng phòng hộ Tân Phú có nhiều loài có giá trị thực phẩm, dược liệu và cây cảnh như: Xoài mút; Mật nhân (bá bệnh); Mai Vàng; Phong Lan (*Rhynchostylis gigantea*), Da đá (*Lannea coromandelice*), Mai (*Ochna interregima*), Bàng lẵng (*Lagerstroemia calyculata*), Sộp (*Ficus superba*), Sung (*Ficus sp.*), Chuối rừng (*Ensete sp.*), Thạch hộc (*Flickingeria sp.*), Lộc vùng (*Barringtonia acutangula*).

Hệ động vật ở nơi đây ghi nhận bước đầu có 287 loài động vật, trong đó có 18 loài thú (thuộc 6 bộ, 13 họ với 9 loài quan trọng là Cu li nhỏ, Khỉ đuôi dài, Khỉ đuôi lợn, Mèo rừng, Chồn vàng, Chèo chèo, Mẫn, Trút, nhím đuôi ngắn), 175 loài chim, 65 loài bò sát (15 họ, 02 bộ) và 25 loài ếch nhái. Các nghiên cứu bước đầu cũng ghi nhận gần 200 loài côn trùng.

+ **Rừng phòng hộ Xuân Lộc:** Lâm trường Xuân Lộc (nay là BQL rừng phòng hộ Xuân Lộc) được thành lập vào năm 1977 theo quyết định số 1232/QĐ-UBT ngày 24/12/1977 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2007, thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới nông, lâm trường quốc doanh và chỉ đạo của các cấp, Lâm trường Xuân Lộc đã xây dựng đề án chuyển đổi thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 16/3/2007; Tổng diện tích quản lý hơn 10.000 ha. Rừng phòng hộ Xuân Lộc hiện tồn tại kiểu rừng tự nhiên (kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới thứ sinh) còn sót lại của Lâm trường Xuân Lộc trước đây có diện tích khoảng 32 ha, đây là khu vực có tính đa dạng sinh học cao nhất tại rừng phòng hộ Xuân Lộc.

Theo thống kê, rừng phòng hộ Xuân Lộc có trên 434 loài thực vật; trong đó, 4 loài được liệt kê trong Nghị định số 32/2006 của Chính phủ, 11 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam, 10 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN. Có 73 loài động vật; trong đó, 9 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam và 3 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN.

+ **Núi Chứa Chan:** Núi Chứa Chan thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc có tính đa dạng sinh học là tiền đề thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái. Với diện tích hơn 1.790 ha, độ cao 837m so với mực nước biển, trong đó diện tích khu bảo vệ nghiêm

ngặt là 50 ha, diện tích dành cho du lịch sinh thái là 1.975 ha. Núi Chúa Chan tồn tại 5 kiểu rừng chính: rừng kín nửa thường xanh ẩm nhiệt đới vùng thấp; rừng thưa cây lá rộng hơi khô nhiệt đới vùng thấp; rừng hỗn giao cây gỗ - tre nứa và thảm thực vật cây nông nghiệp; kiểu sinh cảnh trảng cỏ cây gỗ rải rác.

Hiện Núi Chúa Chan có khoảng 242 loài thực vật thuộc 186 chi, 78 họ thực vật bậc cao có mạch. Trong đó có 17 loài quý hiếm, đặc biệt có 11 loài nguy cấp trong Sách đỏ Việt Nam và 6 loài nằm trong Sách đỏ thế giới. Ngoài ra, có 5 loài thuộc danh mục IIA của Nghị định 32. Với 126 loài động vật (14 loài thú, trong đó có 6 loài quý hiếm; 89 loài chim, thuộc 41 họ, 13 bộ, không có loài nào nằm trong Sách đỏ thế giới và Sách đỏ Việt Nam; có 17 loài bò sát và 4 loài lưỡng cư, trong đó có 2 loài đặc hữu khu vực núi Chúa Chan). Do đặc thù của khu vực này là núi cao nên công tác giám sát gặp nhiều khó khăn, trong khi hầu như người dân sống bao quanh chân núi dễ dàng xâm hại tài nguyên mà khó bị phát hiện. Điều này có thể dẫn đến sự lãng phí về nguồn lực tự nhiên gây ra các nguy cơ suy thoái tài nguyên sinh học ở khu vực được đánh giá là dễ bị tác động.

+ Rừng phòng hộ Long Thành: Rừng phòng hộ Long Thành thuộc 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch, có tổng diện tích là hơn 8.198 ha. Trong đó diện tích rừng tự nhiên là hơn 25 ha, là một hệ sinh thái rừng ngập mặn và là nơi sinh sống của quần hệ cây ngập mặn như quần xã cây bụi, đước, dừa nước, quần xã thực vật trên đất chua phèn.

Rừng phòng hộ Long Thành có hệ động thực vật khá phong phú gồm 113 loài thực vật (thuộc 48 họ, 97 chi); trong đó, 2 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam, 1 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN. Có 15 loài thú, trong đó có 4 loài quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và IUCN. Có 58 loài chim, thuộc 34 họ, 10 bộ, các loài chim ghi nhận được là những loài phổ biến, không có loài quý hiếm. Có 21 loài lưỡng cư, bò sát, trong đó có 2 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam. Có 93 loài cá, 20 loài tôm, cua và 14 loài thân mềm.

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam có diện tích hơn 24.000 ha, tuy nhiên thực hiện phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty giữ lại hơn: 8.700 ha; Còn lại hơn 15.300 ha dự kiến bàn giao về địa phương quản lý (trong đó khoảng 10.000 ha rừng tự nhiên tiếp giáp với Vườn Quốc Gia Cát Tiên là nơi cư trú của đàn Voi Châu Á, gồm 5 kiểu rừng chính gồm: rừng nửa thường xanh, hệ sinh thái cây họ Dầu; rừng tre xen gỗ; rừng tre; trảng cây bụi và trảng cỏ).

Hiện rừng thuộc Công ty Lâm nghiệp La Ngà có 578 loài thực; trong đó, có 6 loài được liệt kê trong Nghị định số 32/2006 của Chính phủ, 19 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam và 16 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN. Có 230 loài động vật; trong đó, có 24 loài được liệt kê trong Nghị định số 32/2006 của Chính phủ, 29 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam và 18 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN.

- Về các khu vực đa dạng sinh học

+ Vùng đất ngập nước quan trọng:

(i) Vùng đất ngập nước quan trọng hồ Bàu Sấu: tại huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, có diện tích 126,06ha. Đã thống kê được tổng số có 13 loài động vật có xương sống trên cạn có giá trị bảo tồn ở mức quốc gia và toàn cầu. Trong đó: có 3 loài thú, 5 loài chim và 5 loài lưỡng cư, bò sát thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2022), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Ramsar Bắc Đồng Nai: tại huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai, có diện tích 31.099,4 ha. Đã thống kê được tổng số có 16 loài động vật có xương sống trên cạn có giá trị bảo tồn ở mức quốc gia và toàn cầu. Trong đó: có 4 loài thú, 5 loài chim và 7 loài lưỡng cư, bò sát thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2022), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng

Cảnh quan sinh thái quan trọng Đồng Nai: Vị trí tại các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán tỉnh Đồng Nai; Bù Đăng, Đồng Phú tỉnh Bình Phước; Phú Giáo, Bắc Tân Uyên tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích 358.186,46 ha. Đã thống kê được tổng số có 98 loài động vật có xương sống trên cạn có giá trị bảo tồn ở mức quốc gia và toàn cầu. Trong đó: có 30 loài thú, 41 loài chim và 27 loài lưỡng cư, bò sát thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2022), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Hành lang đa dạng sinh học

Hành lang ĐDSH Cát Tiên - Cát Lộc: Có Diện tích 16.722 ha nhằm kết nối các hệ sinh thái tự nhiên nhằm mở rộng sinh cảnh sống của các loài sinh vật, bảo đảm cho hoạt động của động vật hoang dã có kích thước lớn hoặc các loài di cư tự do di chuyển.

+ Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

(i) Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Vườn thực vật Trảng Bom: Bảo tồn các loài thực vật, gồm 200 loài cây gỗ thuộc 55 họ và 17 loài tre, trong đó có nhiều loài du nhập từ nước ngoài được trồng trong vườn; Vườn thực vật Cát Tiên: Bảo tồn các loài thực vật quý hiếm, bao gồm: 300 loài gỗ quý, trong đó nhiều loài đặc hữu của miền Đông Nam Bộ; Vườn thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai: Sưu tập các loài thực vật sống phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu khoa học, bảo tồn đa dạng sinh học, trưng bày và giáo dục; Vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia đại diện vùng Nam Bộ: Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen cây thuốc quý, hiếm, có giá trị và tiềm năng phát triển của khu vực Nam bộ. Đồng thời, nghiên cứu, thuần hóa các giống cây dược liệu, tạo nguồn giống mới có năng suất, chất lượng cao. Phục vụ thăm quan, nghiên cứu khoa học, giáo dục,... Công ty TNHH Khu du lịch sinh thái Vườn Xoài: Bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm.

(ii) Cơ sở cứu hộ loài hoang dã: Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Cát Tiên (cứu hộ gấu và linh trưởng): Cứu hộ các loài linh trưởng nguy cấp (loài khỉ, vượn quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng) đang bị săn bắn, nuôi nhốt bất hợp pháp tại các tỉnh phía Nam; Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, trực

thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Bảo vệ các loài động vật hoang dã trong khu KBT TN - VH Đồng Nai; Thu nhận tất cả các loài động vật hoang dã đã bị tịch thu từ những người săn bắt, buôn bán trái phép để chăm sóc, điều trị, phục hồi sức khỏe trong điều kiện nuôi nhốt tự nhiên, sau đó thả chúng trở lại môi trường thiên nhiên vốn là nơi cư trú của chúng.

9. Tình hình thực hiện danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện

a) Tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch có 144 dự án thành phần, thuộc 15 lĩnh vực, gồm: Khu hành chính tập trung – Dự án Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh Đồng Nai (tại Thành phố Biên Hòa); Khu chức năng 24 dự án; Nông nghiệp 10 dự án; Hạ tầng giao thông 26 dự án; Điện, năng lượng 17 dự án; Cấp nước 13 dự án; Thoát nước thải 16 dự án; Quản lý chất rắn 02 dự án; Phát triển đô thị 18 dự án; Lĩnh vực Y tế 09 dự án; Giáo dục và Đào tạo 09 dự án; Văn hóa 03 dự án; Thể thao 03 dự án; Du lịch 5 dự án và Thương mại 04 dự án.

b) Tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư

Nhằm cụ thể hóa hiệu quả danh mục dự án ưu tiên của quy hoạch tỉnh, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tham mưu rà soát đề xuất 36 chuỗi dự án (gồm 61 dự án thành phần) trọng điểm trong danh mục dự án ưu tiên tạo động lực phát triển mới cho tỉnh Đồng Nai trong thời kỳ quy hoạch để mời gọi đầu tư. Đến nay, tiến độ thực hiện như sau:

- 09 dự án (Dự án: Đường vành đai 3 qua đoạn Đồng Nai; Đường vành đai 4 qua đoạn Đồng Nai; Cao tốc Bến Lức - Long Thành; Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương đoạn qua tỉnh Đồng Nai; Tuyến đường ven sông Đồng Nai; Đường sắt đô thị Thủ Thiêm - Long Thành; Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Vĩnh Tân; Cầu Cát Lái) phần lớn các dự án này đã có chủ trương đầu tư, nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương và đang trong quá trình triển khai thực hiện. Đối với những dự án này trong quá trình triển khai còn gặp phải những khó khăn vướng mắc như công tác bàn giao mặt bằng, di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật triển khai chưa đồng bộ với tiến độ thi công của hạng mục xây lắp đường; nhiều vị trí do chưa di dời hạ tầng kỹ thuật (đường điện, ống nước,...) ảnh hưởng đến tiến độ thi công của nhà thầu. Sở Tài chính đã tổng hợp dự án và kiến nghị đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo đối với từng dự án cụ thể.

- 08 dự án liên quan đến triển khai đầu tư Khu công nghiệp (Dự án: KCN Xuân Thiệt - Huyện Thống Nhất; KCN Hàng Gòn - TP Long Khánh; KCN Mo Nang - Huyện Vĩnh Cửu; KCN Gia Canh - Huyện Định Quán; KCN Xuân Hòa - Huyện Xuân Lộc; KCN Bàu Xéo 2 - Huyện Trảng Bom; KCN Dầu Giây - Huyện Thống Nhất; KCN Tân Phú (GD2) - Huyện Tân Phú). Đối với các dự án liên quan đến đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, phần lớn là đã phù hợp với các loại quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, có một số dự án còn chưa đồng bộ về phân diện tích giữa Quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và chưa có trong kế hoạch sử dụng đất phê duyệt hàng năm. Đồng thời, về điều kiện đầu tư hạ

tầng khu công nghiệp, các khu công nghiệp mới phải được lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để làm cơ sở lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Hiện nay, các Khu công nghiệp được đề xuất mới trong giai đoạn 2021 – 2030 chưa được lập quy hoạch xây dựng (quy hoạch phân khu xây dựng 1/2.000) nên chưa đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp theo quy định. Đối với những khó khăn vướng mắc này, Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh giao Ban Quản lý các khu công nghiệp khẩn trương hoàn thiện Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 theo quy định; các địa phương phối hợp rà soát và điều chỉnh đồng bộ các loại quy hoạch theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt để sớm triển khai các bước tiếp theo.

- 07 dự án liên quan đến triển khai đầu tư Cụm Công nghiệp (Dự án: CNN Xuân Tây - Huyện Cẩm Mỹ; CNN Hàng Gòn - TP Long Khánh; CNN Quang Trung 1 - Huyện Thống Nhất; CNN Quang Trung 2 - Huyện Thống Nhất; CNN Sông Trầu - Huyện Trảng Bom; CNN xã Đồi 61 - Huyện Trảng Bom). Đối với các dự án liên quan đến đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp, phần lớn là đã phù hợp với các loại quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, có một số dự án còn chưa đồng bộ về phần diện tích giữa Quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và chưa có trong kế hoạch sử dụng đất phê duyệt hàng năm. Ngoài ra, các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp chủ yếu là đất do Tổng công ty cao su quản lý, sử dụng, nên cần xác định dự án trên có thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất hay không để sớm đưa ra phương án triển khai các thủ tục tiếp theo. Do đó, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan rà soát cụ thể từng dự án để tham mưu UBND tỉnh đối với các dự án có thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, UBND tỉnh giao Sở Công Thương khẩn trương phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan rà soát trình UBND tỉnh ban hành Quy chế cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở và thống nhất trong việc triển khai thực hiện Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- 15 dự án (Dự án: Khu công nghệ Thông tin tập trung; Trung tâm logistics phía Nam cảng hàng không quốc tế Long Thành tại huyện Long Thành; Trung tâm logistics phía Đông Bắc cảng hàng không quốc tế Long Thành tại huyện Cẩm Mỹ; Trung tâm logistics Tổng kho trung chuyển miền Đông tại huyện Trảng Bom; Trung tâm logistics tại huyện Nhơn Trạch; Tổ hợp đồi mới sáng tạo 300ha trong Khu Đô thị Sân bay; Chuỗi đô thị - dịch vụ du lịch ven sông Khu đô thị tri thức PK 6.1, 6.2; Thành phố mới Nhơn Trạch Phân khu 3.1, 3.2; Chuỗi đô thị - dịch vụ - du lịch ven Suối Tre; Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Khu thể dục thể thao tại xã Hàng Gòn; Sân golf 100 ha tại núi Chứa Chan, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc; Sân golf khoảng 180 ha tại huyện Cẩm Mỹ; Sân golf 174 ha huyện Thống Nhất; Sân golf 90 ha tại xã Hàng Gòn, huyện Long Khánh). Đối với những dự án này Sở Tài chính đã tổng hợp từng trường hợp và tham mưu UBND tỉnh xử lý từng dự án cụ thể.

10. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của quy hoạch tỉnh đến năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2030	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân (theo giá so sánh) khoảng	%		8,02	
2	Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành)	%			
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	6	9,28	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	59	58,59	
-	Dịch vụ	%	29	24,91	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	6	7,22	
3	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng	USD	14.650	5.802,67	
II	VỀ XÃ HỘI				
1	Quy mô dân số đến	Triệu người	4-4,2	3,36	
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt	%	40	23	
3	Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới	%	2	Dưới 2%	
4	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	32	30	
5	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	11	9,7	
6	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên	%	97	94	
7	Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng	%	70	46	
8	Số xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	100		
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến cuối năm 2025	%	100	91,4(106/116 xã)	

	Số huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao	Huyện	-	2	
	Số huyện hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu	huyện	3	-	
	Tỷ lệ xã hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu	%	50	28,4% (33 xã)	
9	Tỷ lệ dân số tại đô thị sử dụng nước sạch đạt chuẩn	%	95	trên 94	
	Tỷ lệ dân số tại nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn	%	95	84,69	
III	VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH				
10	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức	%	27,4	28,7	
11	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định	%	100	100	
13	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	%	100	100	
14	Tỷ lệ chất thải nguy hại, chất thải y tế được Tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100	100	
15	Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ				

II. RÀ SOÁT MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Qua rà soát đánh giá, ngoài các nội dung quy hoạch bị tác động do đầu tư dự án cầu Mã Đà và tuyến đường ĐT 761 nêu trên, các nội dung khác của phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong Báo cáo Thuyết minh tổng hợp, Quyết định và phụ lục kèm theo của quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về cơ bản không bị tác động, thay đổi. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giảm tỷ lệ diện tích đất sử dụng (đất lâm nghiệp) để

chuyển sang đất phát triển hạ tầng giao thông, sẽ tác động thay đổi số liệu về diện tích rừng trong Phương án phát triển Lâm nghiệp của tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 – Phương án tích hợp vào quy hoạch tỉnh và tác động ảnh hưởng đến đánh giá tác động môi trường của dự án và một số nội dung khác cần phải lưu ý trong quá trình triển khai dự án, cụ thể:

1. Đối với Phương án phát triển lâm nghiệp của tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Việc bổ sung dự án cầu Mã Đà và tuyến đường nối từ cầu Mã Đà đến đường vành đai 4 cần thiết phải điều chỉnh các số liệu chi tiết về 03 loại rừng trong Báo cáo Thuyết minh và Bản đồ của Phương án Phát triển lâm nghiệp của tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Phương án ngành tích hợp trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh). Theo đó, các số liệu về diện tích rừng trong báo cáo thuyết minh phải điều chỉnh giảm tổng diện tích đất rừng khoảng 96,27 ha (không tính đường giao thông hiện hữu), trong đó:

a) Rừng đặc dụng giảm 84,17 ha (rừng tự nhiên giảm 16,96 ha; rừng trồng giảm 30,21 ha; diện tích khác trong lâm nghiệp 37 ha);

b) Rừng sản xuất giảm 12,1 ha (trong đó rừng tự nhiên giảm 2,43 ha; rừng trồng giảm 8,74 ha; diện tích khác trong lâm nghiệp giảm 0,93 ha).

2. Tác động của dự án đến môi trường

a) Tác động về phát triển kinh tế- xã hội

Việc bổ sung quy hoạch đề đầu tư xây dựng cầu Mã Đà và đường kết nối từ cầu Mã Đà đến đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, phát huy hiệu quả hạ tầng giao thông kết nối thúc đẩy phát triển liên kết vùng, nhất là kết nối với Cảng hàng không Quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép hạ, đồng thời phục vụ nhu cầu đi lại của công chức, viên chức và người dân tỉnh Bình Phước đến làm việc tại tỉnh Đồng Nai sau khi hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước thành tỉnh Đồng Nai.

b) Tác động đến môi trường

Việc tăng tỷ lệ sử dụng đất giao thông sẽ dẫn đến giảm diện tích đất nông nghiệp và đất rừng ở địa phương. Giai đoạn xây dựng có thể gây xói mòn đất do mưa từ khu vực san lấp nền đường sẽ gây ô nhiễm dải đất hẹp dọc theo tuyến đường ở mức nhẹ. Trong giai đoạn xây dựng, nước mưa chảy tràn từ khu vực khai thác vật liệu, trên các tuyến đường vận chuyển và nơi xây dựng nền đường có hàm lượng TSS cao làm tăng độ đục của nước; nước thải sinh hoạt lán trại của công nhân xây dựng đường có hàm lượng chất ô nhiễm cao (TSS, BOD, T-N, T-P và Ecoli) là nguồn gây ô nhiễm nước ở mức nhẹ và thời gian ngắn hạn; khi toàn bộ các tuyến đường đưa vào vận hành, nước mưa từ mặt đường kéo theo thành phần vi nhựa (micro plastic) bào mòn từ mặt đường, lốp xe và dầu mỡ rơi rớt trên đường làm ô nhiễm nguồn nước ở phạm vi rộng, mức độ nhẹ và thời gian lâu dài. Tác động đến môi trường không khí, trong quá trình vận chuyển vật liệu, san lấp nền đường và thảm nhựa sẽ làm gia tăng phát tán bụi, khí thải từ các phương tiện thi công (bụi, CO, Nox, SO₂, hơi xăng dầu)

ra không khí ở phạm vi cục bộ, mức độ nhẹ và trong thời gian ngắn hạn. Khi tuyến đường đi vào hoạt động có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao nên làm tăng mức ồn và thải khí thải từ các động cơ đốt trong làm ô nhiễm không khí ở mức độ trung bình.

3. Khuyến nghị của các cơ quan đơn vị có liên quan

a) Khuyến nghị của Ủy ban quốc gia Unesco Việt Nam

Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam khuyến nghị UBND tỉnh Đồng Nai xem xét không lựa chọn phương án xây dựng giao thông qua vùng lõi của Khu DTSQ Đồng Nai. Trong trường hợp không còn giải pháp thay thế, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai xem xét:

- + Tiến hành nghiên cứu, đánh giá và có báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học khu vực triển khai dự án, dự đoán các tác động tiêu cực và xây dựng kịch bản ứng phó để đảm bảo không ảnh hưởng đến các tiêu chí, chức năng của Khu DTSQ theo hướng dẫn của UNESCO.

- Phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Ủy ban Quốc gia MAB Việt Nam mời các chuyên gia trong nước và quốc tế và tổ chức Đoàn khảo sát, đánh giá thực địa về các tác động của dự án đối với Khu DTSQ Đồng Nai và các giải pháp kỹ thuật cụ thể.

- Cân nhắc cẩn trọng phương án thiết kế, đảm bảo tham vấn đầy đủ các bên liên quan nhằm lựa chọn phương án tối ưu nhất vừa đảm bảo yêu cầu tuyến đường giao thông, vừa giảm thiểu tối đa tác động môi trường, đảm bảo bảo tồn các giá trị tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học của Khu DTSQ Đồng Nai. Đặc biệt, xét theo hiện trạng thảm thực vật và các điểm có mức độ đa dạng sinh học cao, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai xem xét thiết kế xây dựng đường trên cao đoạn từ cầu Mã Đà đến ngã ba Bà Hào (13km). Đồng thời, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên bộ trong quá trình triển khai và vận hành dự án.

- Quá trình khảo sát, đánh giá trước, trong và sau khi thực hiện dự án cần được triển khai cẩn thận, chi tiết và khách quan để đảm bảo thuận lợi không chỉ cho quá trình đánh giá định kỳ 10 năm tiếp theo của Khu DTSQ Đồng Nai mà còn liên quan đến quá trình đề cử, công nhận các Khu DTSQ khác của Việt Nam trong tương lai.

- Cần chú trọng công tác truyền thông để tạo sự ủng hộ của cộng đồng dân cư khu vực triển khai dự án, nhà khoa học, tổ chức, cộng đồng trong nước và quốc tế.

- Khuyến nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- + Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với Dự án xây dựng cầu Mã Đà và tuyến đường giao thông kết nối 2 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước qua Khu DTSQ Đồng Nai do đây là Dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động đến môi trường ở mức cao theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- + Đối với nội dung chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai tiến hành theo quy định.

+ Bên cạnh đó, đề nghị đơn vị tiến hành điều tra, nghiên cứu và bổ sung báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học khu vực dự kiến triển khai dự án để có căn cứ đưa ra các giải pháp thiết kế, xây dựng và vận hành dự án đảm bảo hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học; cần tham vấn ý kiến của Cục Di sản Văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về các tác động của dự án đến công tác quản lý di sản tại Khu DTSQ Đồng Nai trong khuôn khổ Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới.

+ Sau khi có phương án thiết kế chi tiết tuyến đường giao thông kết nối 2 tỉnh qua Khu DTSQ Đồng Nai cũng như các báo cáo liên quan đến đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học khu vực dự kiến triển khai dự án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ có hướng dẫn chi tiết.

4. Cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cam kết tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành trong quá trình xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai sẽ chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Ủy ban quốc gia (UBQG) UNESCO Việt Nam, UBQG MAB Việt Nam xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Bổ sung quy hoạch mới tuyến đường từ ĐT 761 cầu Mã Đà đến giao với đường Vành Đai 4 – thành phố Hồ Chí Minh vào Phụ lục VII – Phương án phát triển mạng lưới đường bộ tỉnh Đồng Nai như sau:

- Điểm đầu: cầu Mã Đà.
- Điểm cuối: giao với đường Vành Đai 4 – thành phố Hồ Chí Minh.
- Chiều dài 44,5 km.
- Quy mô 08 làn xe.

b) Bổ sung quy hoạch mới cầu Mã Đà vào Phụ lục XI- Phương án bổ sung kết nối tỉnh Đồng Nai với các địa phương lân cận, cụ thể:

STT	Tên cầu	Quy mô	Vị trí	Giai đoạn
V	Kết nối với tỉnh Bình Phước			
	Cầu Mã Đà	8 làn xe	Đoạn tuyến đi qua Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai dài khoảng 27km (từ cầu Mã Đà đến khu vực ranh phía Nam của Khu Dự trữ sinh quyển); hướng tuyến bám theo hướng của	Trước 2030

			đường hiện hữu. Đầu tư xây dựng cầu cạn đối với đoạn đi qua khu vực rừng tự nhiên, với chiều dài khoảng 13km. Đoạn tuyến từ ngoài ranh Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai đến giao với đường Vành đai 4; tuyến mở mới dài khoảng 17km, hướng tuyến đi theo hướng đường ĐT.768B quy hoạch (song song đường ĐT.767 cách khoảng 3,5km về phía tây, không đi theo ĐT.767 hiện hữu nhằm giảm thiểu công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; đồng thời mở ra không gian phát triển mới cho khu vực).	
--	--	--	--	--

c) Điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Căn cứ các nội dung điều chỉnh trên, cần phải điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai (Phụ lục XXVI- phương án khoanh bỏ vùng đất đai) để đảm bảo phù hợp với các nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nội dung điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất theo hướng điều chỉnh chỉ tiêu đất rừng 96,27 ha sang đất giao thông.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 (ha)	Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đất nông nghiệp	NNP	436.572	436.572	436.404
1.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	114.018	114.018	113.934
1.2	Đất rừng sản xuất	RSX	25.115	25.115	25.103
1.3	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	11.289	11.289	11.287
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	149.781	149.781	149.949
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	30.221	30.221	30.398
2.2	Đất giao thông	DGT	21.888	21.888	22.065

d) Bổ sung dự án cầu Mã Đà và tuyến đường ĐT 761 vào Phụ lục XXXII danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

đ) Điều chỉnh các Sơ đồ: Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

PHẦN III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 13/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm về nghiên cứu đề xuất, kiến nghị của tỉnh Bình Phước cho tỉnh đầu tư mở rộng tuyến ĐT 753 kết nối tuyến ĐT 761 của tỉnh Đồng Nai qua cầu Mã Đà và tính cấp thiết của xây dựng đầu tư dự án đường kết nối giữa 02 tỉnh giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai qua cầu Mã Đà nhằm phát huy hiệu quả hạ tầng giao thông kết nối thúc đẩy phát triển liên kết vùng, nhất là kết nối với Cảng hàng không Quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép Hạ, đồng thời phục vụ nhu cầu đi lại của công chức, viên chức và người dân tỉnh Bình Phước đến làm việc tại tỉnh Đồng Nai sau khi hợp nhất 02 tỉnh; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Tờ trình số 75/TTTr-UBND ngày 07/5/2025, văn bản số 6913/UBND-THNC ngày 04/6/2025. Trên cơ sở ý kiến thống nhất với các Bộ gồm: Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tư Pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Đồng Nai hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 108/TTTr-UBND và văn số 7436/UBND-THNC ngày 11/6/2025 báo cáo kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự thủ tục rút gọn để tỉnh sớm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Dự án Cầu Mã Đà và tuyến đường từ ĐT 761 cầu Mã Đà.

Trên cơ sở văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ (văn bản số 702/TTg-QHĐP ngày 20 tháng 6 năm 2025) và nội dung đề nghị điều chỉnh đảm bảo nguyên tắc “không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tổ chức triển khai nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38đ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch (nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ).

Nội dung điều chỉnh quy hoạch là các nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng chính phủ chỉ đạo chấp thuận thuộc nhiệm vụ cấp bách và được thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38đ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch (nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ), cụ thể gồm:

(1) Bổ sung quy hoạch mới tuyến đường từ ĐT 761 cầu Mã Đà đến giao với đường Vành Đai 4 – thành phố Hồ Chí Minh vào Phụ lục VII – Phương án phát triển mạng lưới đường bộ tỉnh Đồng Nai;

(2) Bổ sung quy hoạch mới cầu Mã Đà vào Phụ lục XI- Phương án bổ sung kết nối tỉnh Đồng Nai với các địa phương lân cận;

(3) Đồng thời, cơ quan lập quy hoạch rà soát điều chỉnh bổ sung các nội dung có liên quan do tác động của việc bổ sung các nội dung Quy hoạch tỉnh nêu trên, như:

- Bổ sung dự án cầu Mã Đà và tuyến đường ĐT 761 vào Điểm B Đường tỉnh, đường vành đai, đường trục đô thị của Mục IV Phụ lục XXXII danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất do tăng diện tích đất phát triển hạ tầng giao thông và giảm tương ứng chỉ tiêu sử dụng một số loại đất cần chuyển mục đích sử dụng sang đất giao thông để đầu tư xây dựng dự án cầu Mã Đà và tuyến đường ĐT 761;

- Điều chỉnh sơ đồ các phương án: Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự, thủ tục rút gọn đã được chuẩn bị đầy đủ phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 38đ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch (nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ), gồm:

Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch;

Dự thảo Quyết định điều chỉnh quy hoạch;

Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trên đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đề xuất kiến nghị cấp có thẩm quyền như sau:

I. KIẾN NGHỊ CÁC BỘ NGÀNH

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 38đ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch (nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ) về lấy ý kiến các cơ quan đơn vị có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai gửi Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh lấy ý kiến các bộ ngành có liên quan đến nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh gồm:

- Bộ Tài chính,
- Bộ Xây dựng,
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường,
- Bộ Tư pháp,

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính đề nghị các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp quan tâm xem xét, sớm có ý kiến góp ý với

tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 38đ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ./.

